

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 98/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, bao gồm: quỹ thành viên, quỹ đóng, quỹ mở, quỹ hoán đổi danh mục (quỹ ETF Exchange Traded Fund), quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

a) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (sau đây gọi là công ty quản lý quỹ), ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký;

b) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con (sau đây gọi chung là Sở giao dịch chứng khoán);

d) Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán, thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán và các nhà đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán;

đ) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán;

e) Thành viên lập quỹ, đại lý phân phối và các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao đã được đối chiếu khớp đúng với bản chính.

2. *Chứng khoán cơ cấu* là chứng khoán cơ sở có trong cơ cấu chỉ số tham chiếu của quỹ ETF, không bao gồm chứng khoán phái sinh.

3. *Đại lý phân phối* là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ.

4. *Đại lý ký danh* là đại lý phân phối đứng tên tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sở phụ.

5. *Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một đơn vị quỹ ETF (iNAV)* là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.

6. *Hồ sơ cá nhân* bao gồm bản thông tin cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này, bản sao hợp lệ Hộ chiếu của cá nhân nước ngoài hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

7. *Giao dịch hoán đổi* là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ quỹ.

8. *Lệnh giao dịch hoán đổi* bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ quỹ ETF và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.

9. *Một lô chứng chỉ quỹ ETF* bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ ETF. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch hoán đổi danh mục giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

10. *Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ* là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ hoặc lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ.

11. *Ngày định giá* là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

12. *Người được hưởng lợi* là tổ chức, cá nhân không đứng danh chủ sở hữu tài sản, nhưng có đầy đủ các quyền sở hữu đối với tài sản đó.

13. *Người điều hành quỹ* là người hành nghề chứng khoán có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ được công ty quản lý quỹ chỉ định để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

14. *Quỹ trái phiếu* là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên.

15. *Quỹ chỉ số* là quỹ mở đầu tư vào danh mục chứng khoán cơ sở cấu thành chỉ số chứng khoán, trong đó chỉ số chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam xây dựng, quản lý và đáp ứng quy định pháp luật về quỹ hoán đổi danh mục.

16. *Tổ chức quản lý bất động sản* là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản hoạt động theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản, được công ty quản lý quỹ thay mặt quỹ đầu tư bất động sản, công ty đầu tư chứng khoán bất động sản ủy quyền thực hiện việc bảo quản, giữ gìn, trông coi, vận hành và khai thác bất động sản theo hợp đồng quản lý bất động sản.

17. *Thành viên lập quỹ* là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.

18. *Tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF* là công ty chứng khoán làm thành viên lập quỹ được công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ ETF.

19. *Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan* là ngân hàng lưu ký, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

20. *Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư* bao gồm các hoạt động sau:

a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;

b) Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;

c) Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

21. *Dịch vụ đại lý chuyển nhượng* bao gồm các hoạt động sau:

a) Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản cá nhân, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;

b) Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

c) Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;

d) Tổ chức các cuộc họp Ban đại diện quỹ, Đại hội nhà đầu tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

đ) Cung cấp cho nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.

22. *Sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sau đây gọi tắt là sổ chính)* là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ do công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý.

23. *Sổ đăng ký nhà đầu tư phụ (sau đây gọi tắt là sổ phụ)* là sổ ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ do đại lý ký danh lập và quản lý theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ.

24. *Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở* là tài khoản thông qua đó, nhà đầu tư mua, bán, sở hữu chứng chỉ của một hay nhiều quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở do đại lý phân phối phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng mở và quản lý. Tài khoản này có hai loại:

a) *Tài khoản của nhà đầu tư* là tài khoản thuộc sở hữu của nhà đầu tư và đứng tên nhà đầu tư;

b) *Tài khoản ký danh* là tài khoản thuộc sở hữu của các nhà đầu tư tại sổ phụ và đứng tên đại lý ký danh. Tài khoản này được chia thành các tiểu khoản tách biệt, độc lập, ứng với mỗi nhà đầu tư tại sổ phụ.

25. *Tài khoản tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng chỉ quỹ* là tài khoản tiền mà đại lý ký danh mở tại ngân hàng giám sát và chỉ để thực hiện thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ.

26. *Thành viên độc lập của Ban đại diện quỹ* là thành viên không phải là người có liên quan với công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

27. *Thời điểm đóng sổ lệnh* là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại Điều lệ quỹ, công bố công khai tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch

chứng chỉ quỹ đối với quỹ mở, không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ đối với quỹ ETF.

28. *Tổ chức cung cấp báo giá* là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp báo giá tài sản không phải là chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán đăng ký giao dịch.

29. *Vốn điều lệ quỹ, vốn điều lệ công ty đầu tư chứng khoán* là số vốn góp của nhà đầu tư, cổ đông và được ghi trong Điều lệ quỹ đóng, quỹ thành viên, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán hoặc là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ mở lần đầu ra công chúng.

Điều 3. Quy định chung về quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

1. Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán (trừ trường hợp công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ tự quản lý vốn) phải được quản lý bởi công ty quản lý quỹ và các hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán được thực hiện thông qua công ty quản lý quỹ.

2. Tài sản của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ phải được lưu ký tại 01 ngân hàng lưu ký. Tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải được lưu ký tại 01 ngân hàng giám sát. Hoạt động quản lý vốn và tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải được giám sát bởi ngân hàng giám sát.

3. Tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thuộc sở hữu của các nhà đầu tư, cổ đông tương ứng với tỷ lệ vốn góp, không phải là tài sản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ngân hàng lưu ký. Công ty quản lý quỹ chỉ được sử dụng tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán để thanh toán các nghĩa vụ thanh toán của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán, không được sử dụng để thanh toán hoặc bảo lãnh thanh toán các nghĩa vụ tài chính của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức và trong mọi trường hợp.

4. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn thành lập quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; mua chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán. Tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp nhà nước tham gia góp vốn thành lập quỹ, công ty đầu tư chứng khoán; mua chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Điều lệ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt

1. Điều lệ quỹ, Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán lần đầu do công ty quản lý quỹ xây dựng và phải có tối thiểu các nội dung theo quy định tại Điều 103 Luật chứng khoán và theo mẫu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư